

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG Ý
VÀ CÁC CƠ HỘI ƯU ĐÃI TỪ HIỆP ĐỊNH
THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM – LIÊN MINH
CHÂU ÂU (EVFTA)



TRUNG TÂM HỖ TRỢ HỘI NHẬP WTO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tháng 12/2017

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
I. Khái quát về nước Ý	2
1.1. Thông tin chung.....	2
1.2. Tình hình kinh tế.....	2
1.3. Thông tin thương mại	3
1.4. Quan hệ thương mại giữa Ý với Việt Nam	3
II. Quy định về thuế quan và tiêu chuẩn áp dụng cho hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu vào thị trường EU.....	4
2.1. Các chính sách thuế EU đang áp dụng với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam.	4
2.2. Lợi ích và điều kiện để Việt Nam tận dụng các quy định trong EVFTA.....	5
2.2.1. Tóm tắt về quá trình đàm phán EVFTA	5
2.2.2. Thuế quan và các điều kiện kèm theo.....	5
2.2.3. Quy tắc xuất xứ hàng hóa.....	7
2.2.4. Hàng rào phi thuế quan.....	8
2.2.5. Phát triển bền vững	12
2.2.6. Yêu cầu lao động	12
2.2.7. Sở hữu trí tuệ	13
III. Một số đặc trưng riêng của thị trường Ý	13
3.1. Quy định về thuế và tiêu chuẩn áp dụng đối với hàng nhập khẩu.....	13
3.2. Tập quán kinh doanh	14
3.3. Nhu cầu thị trường Ý	15
3.4. Kênh phân phối.....	15
3.5. Một số địa chỉ hữu ích	16
TÀI LIỆU THAM KHẢO	18

LỜI MỞ ĐẦU

Ý là cường quốc kinh tế lớn thứ 4 tại EU và đứng thứ 8 nếu xét trên bình diện thế giới năm 2016. Diện tích nước Ý tương đương với diện tích Việt Nam (301.340 km²) nhưng dân số chỉ bằng hơn 2/3 dân số Việt Nam. Trong suốt chiều dài lịch sử, mối quan hệ chính trị, kinh tế, văn hóa giữa Việt Nam và Ý luôn tốt đẹp; người dân Việt Nam dành nhiều sự ngưỡng mộ của mình đến thời trang, các loại hình nghệ thuật và con người Ý. Hai nước có trình độ phát triển khác biệt nhưng chính điều này lại khiến nền kinh tế của Ý và Việt Nam có sự bổ sung, thúc đẩy lẫn nhau phát triển. Ý có nhu cầu rất lớn về hàng may mặc, giày dép, các sản phẩm dệt, hóa chất; đây là những sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam hàng chục năm qua. Ngược lại, tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại của Việt Nam đặt ra yêu cầu phải có những máy móc hiện đại, nguyên phụ liệu chất lượng tốt và những nhà cung cấp dịch vụ thương mại giàu kinh nghiệm; Ý cũng như các nước châu Âu khác có thế mạnh về những lĩnh vực này.

Bên cạnh đó, với một thị trường không quá khó tính, hệ thống phân phối không phụ thuộc nhiều vào các tập đoàn lớn, các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội để tiếp cận các thương nhân Ý vốn không đòi hỏi khắt khe về quy mô, điều kiện nhà xưởng, qua đó mang sản phẩm của mình đến gần hơn với người tiêu dùng Ý.

Ngoài ra, vốn được coi là cửa ngõ của vùng Trung Nam Âu với lợi thế về cảng biển thuận lợi cho hoạt động tiếp nhận hàng hóa từ khắp nơi trên thế giới, quy mô dân số tương đối lớn (hơn 60 triệu người), Ý là thật sự là một thị trường hấp dẫn đối với các doanh nghiệp Việt Nam.

Tuy vậy, để hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam vào được thị trường Ý nói riêng và Liên minh châu Âu nói chung, các doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về tiêu chuẩn kỹ thuật, vệ sinh an toàn thực phẩm, tuân thủ chặt chẽ các quy định về tính hợp pháp, phù hợp nhất là trong các hoạt động đánh bắt, nuôi trồng, chế biến, thủy hải sản.

Nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp có được thông tin toàn diện, nổi bật, hiểu rõ quy định chung của Ý liên quan đến các tiêu chuẩn và điều kiện để xuất khẩu hàng hóa sang thị trường này (nhất là trong bối cảnh Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-Liên minh châu Âu đã hoàn thiện dự thảo nội dung đang chờ thông qua tại Nghị viện các nước thành viên), bài viết dưới đây sẽ cung cấp những kiến thức hữu ích nhất giúp quý doanh nghiệp có thể tự tin và thuận lợi hơn khi tiến hành các hoạt động xuất khẩu, kinh doanh tại thị trường Ý.

I. Khái quát về nước Ý

1.1. Thông tin chung

Tên nước:	Cộng hòa Ý (Italian Republic); Thủ đô Roma (Rome);
Diện tích:	301.340 km ² ;
Dân số:	60,589,445 người (01/01/2017);
Khí hậu:	khí hậu Địa trung hải là chủ yếu, (khí hậu vùng núi cao An pơ) ở phía bắc; khô, nóng ở phía Nam;
Ngôn ngữ:	Tiếng Italia (chính thống) ngoài ra còn sử dụng tiếng Đức, Pháp, Slo-ve-ni-a;
Tôn giáo:	Đạo Thiên chúa giáo La Mã: khoảng 90%, Khác: 10% ;
Đơn vị tiền tệ:	Đồng Euro (EUR) – Tỷ giá 1 EUR = 1.2 USD (2017);
Thế chế:	Chế độ Cộng hoà đại nghị, tách rời Thiên chúa giáo;
Tổng thống:	Sergio Mattarella;
Thủ tướng:	Paolo Gentiloni Silveri;

Quan hệ chính trị-ngoại giao giữa Ý với Việt Nam: Việt Nam và Ý chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 23/3/1973; Ý là một trong những nước châu Âu đầu tiên nối lại và phát triển các quan hệ hợp tác với Việt Nam sau thời kỳ ngưng đọng (những năm 1979 - 1989); Ý tích cực ủng hộ việc tăng cường hợp tác giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu, trên các diễn đàn quốc tế lớn cũng như việc bình thường hoá quan hệ giữa Việt Nam và các tổ chức tài chính, thương mại, tiền tệ quốc tế.

1.2. Tình hình kinh tế

Ý là nền kinh tế lớn thứ 4 ở EU. Mặc dù trong những năm gần đây Ý phải đối mặt với nhiều khó khăn (nợ công tăng cao, thất nghiệp kéo dài) do cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, nhưng nền kinh tế nước này đang đi vào quỹ đạo ổn định trở lại với tiềm năng phát triển rất lớn.

Cơ cấu kinh tế chủ yếu là dịch vụ, chiếm 73.8%, tiếp theo là công nghiệp (24.1%) và nông nghiệp (2.1%). Ý có mô hình phát triển kinh tế gần gũi với Việt Nam về hệ thống các doanh nghiệp vừa và nhỏ (trong đó phần lớn là các công ty gia đình) rất năng động, hiệu quả, sản xuất các sản phẩm tiêu dùng chất lượng cao đóng góp tới gần 2/3 GDP. Phía Bắc nước này đặc trưng bởi nền công nghiệp phát triển với sự hiện diện của nhiều công ty, tập đoàn lớn; ở phía Nam kém phát triển hơn và các hoạt động chủ yếu là nông nghiệp. Những ngành kinh tế chính của nước này gồm: Sản xuất ô tô, Vận tải, Công nghệ na-nô, Hàng không vũ trụ, Công nghệ thông tin và viễn thông.

Số liệu về tình hình kinh tế Ý trong những năm gần đây

Năm	Tổng GDP (tỷ USD)	GDP bình quân đầu người (USD)	Tăng trưởng GDP	Tỷ lệ lạm phát	Tỷ lệ thất nghiệp
2014	2.130,3	36.071	1,2%	0,24	12,7%
2015	2.224,5	36.630	1,7%	0,04	11,9%
2016	2.326,3	38.370	1,8%	-0,09	11,7%

Nguồn: OECD

1.3. Thông tin thương mại

Tổng giá trị xuất khẩu (năm 2016): 454.1 tỷ USD với các đối tác xuất khẩu chính là: Đức, Pháp, Hoa Kỳ, Anh, Tây Ban Nha, Thụy Sĩ;

Tổng giá trị nhập khẩu (năm 2016): 387.1 tỷ USD, chủ yếu từ Đức, Pháp, Trung Quốc, Hà Lan, Tây Ban Nha, Bỉ. Các sản phẩm nhập khẩu chính là máy móc, dược phẩm, phương tiện vận tải, năng lượng, hóa chất, kim loại, dệt may, lương thực,...

Ý phải nhập khẩu hầu hết nguyên liệu thô dùng cho các ngành sản xuất công nghiệp và hơn 75% nhu cầu về năng lượng.

1.4. Quan hệ thương mại giữa Ý với Việt Nam

Kim ngạch thương mại hai chiều hai nước tăng đều trong những năm qua từ 320 triệu USD năm 1996 lên đến 4,7 tỷ USD năm 2016 (tăng hơn 14 lần trong một thập kỷ qua). Ngày càng có nhiều doanh nhân Ý quan tâm đầu tư và thiết lập các mối quan hệ thương mại với Việt Nam.

Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào Ý năm 2016 là 3,3 tỷ USD. Các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam vào Ý gồm: Điện thoại và linh kiện, giày dép, máy tính, linh kiện điện tử, cà phê, dệt may, thủy sản, máy móc và phụ tùng.

Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Ý năm 2016 là 1,4 tỷ USD. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Ý vào Việt Nam gồm có: Máy móc và phụ tùng, vải, nguyên phụ liệu cho ngành dệt may, da giày.

Bảng tổng hợp nhóm hàng xuất khẩu và nhập khẩu chính của Việt Nam trong quan hệ thương mại với Ý

Đơn vị tính: Triệu USD

Tên hàng	Trị giá 2016	Chênh lệch so với năm 2015 (%)	Tỷ trọng so với tổng giá trị (%)
Nhóm hàng xuất khẩu chính của Việt Nam			
Điện thoại các loại và linh kiện	1.383	26,0	42,4

Giày dép các loại	336	-3,0	10,3
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	252	-0,4	7,7
Cà phê	245	23,6	7,5
Hàng dệt, may	210	0,4	6,4
Phương tiện vận tải và phụ tùng	141	64,8	4,3
Hàng thủy sản	135	17,3	4,2
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	114	4,0	3,5
Nhóm hàng nhập khẩu chính của Việt Nam			
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	562	-4,6	39,4
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	210	9,8	14,8
Dược phẩm	148	12,7	10,4
Vải các loại	62	0,5	4,3

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tuy các mặt hàng được nêu trong bảng là những hàng hóa xuất khẩu chủ lực của Việt Nam vào thị trường Ý, nhưng vẫn chiếm thị phần khá thấp tại Ý (trừ cà phê). Cụ thể: thị phần điện thoại và linh kiện chỉ chiếm 0,58%, thấp hơn nhiều so với các quốc gia khác trong khu vực Đông Nam Á (Thái Lan 1,8%; Malaysia 1,7%); Máy tính và linh kiện chiếm 3,5% thị phần, thấp hơn 7 lần so với Trung Quốc (24%); Hàng dệt may, phương tiện vận tải và phụ tùng, hàng thủy sản, máy móc, thiết bị, phụ tùng khác,...mỗi loại mặt hàng chiếm trung bình chưa đến 1% thị trường.

II. Quy định về thuế quan và tiêu chuẩn áp dụng cho hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu vào thị trường EU

2.1. Các chính sách thuế EU đang áp dụng với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam

Trong giai đoạn 2014-2023, Việt Nam là một trong những nước được EU cho hưởng thuế quan ưu đãi phổ cập GSP. Được hưởng GSP đồng nghĩa với việc phần lớn hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam xuất khẩu vào EU sẽ được miễn hoàn toàn, ngoại trừ các mặt hàng bị EU coi là nhạy cảm, hoặc đang chịu mức thuế suất tuyệt đối. Tuy nhiên, nếu trong khoảng thời gian đã nêu, các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam vượt ngưỡng thị phần tối đa để được hưởng GSP của theo quy định của EU (17.5% trong 3 năm liên tiếp) (mức 13.5% được áp dụng với dệt may từ chương 50 - 63) thì việc ưu đãi sẽ chấm dứt tại năm liền kề ngay sau 3 năm liên tiếp vượt mức trần mà không cần

chờ đến hết thời hạn được ưu đãi. Cũng theo Quy chế này, nguyên liệu sản xuất ra sản phẩm tại Việt Nam có nguồn gốc trong một số nước thuộc khối ASEAN (Lào, Indonesia, Mi-an-ma, Phi-líp-pin) thì cũng được hưởng ưu đãi.

Ngoài ra, Việt Nam cũng nằm trong danh sách các quốc gia có thể được EU xem xét cho hưởng GSP⁺ (ưu đãi đặc biệt cho sự phát triển bền vững và quản trị tốt) với điều kiện Việt Nam làm đơn và được Ủy ban xem xét, quyết định cho hưởng ưu đãi; tuy nhiên đến thời điểm này, Việt Nam vẫn chưa được hưởng ưu đãi thuế từ chương trình GSP⁺.

Để đảm bảo thủ tục và nâng cao lợi thế cạnh tranh của hàng hóa, dịch vụ do các doanh nghiệp Việt Nam cung cấp tại thị trường EU, nhu cầu ký kết và phê chuẩn một Hiệp định thương mại tự do (EVFTA) là điều cần thiết. EVFTA là yếu tố quan trọng không những mở ra cơ hội kinh doanh thuận lợi cho các nhà sản xuất, cung cấp dịch vụ trong nước mà còn giúp thúc đẩy hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế nghiêm ngặt, qua đó dễ dàng tiếp cận không chỉ thị trường EU mà còn thị trường các quốc gia phát triển khác.

2.2. Lợi ích và điều kiện để Việt Nam tận dụng các quy định trong EVFTA

2.2.1. Tóm tắt về quá trình đàm phán EVFTA

EU và Việt Nam bắt đầu quá trình đàm phán một Hiệp định thương mại tự do từ tháng 6/2012. Vào ngày 01/12/2015, hai bên đã kết thúc đàm phán, đến ngày 01/2/2016 văn bản hiệp định được công bố. Hiện tại, Việt Nam và EU đang tiến hành rà soát lại văn bản hiệp định và lên kế hoạch ký kết EVFTA trong thời gian gần nhất. Tuy nhiên, theo phán quyết mới nhất của Tòa án công lý châu Âu ngày 16/5/2017, các Hiệp định thương mại tự do (FTA) giữa EU và các quốc gia khác (trong đó có Việt Nam) mà có quy định về hoạt động đầu tư và cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư sẽ chỉ được phê chuẩn và đi vào hiệu lực khi có sự đồng ý của quốc hội mỗi nước thuộc liên minh này. Do vậy, để sớm ký kết và đưa EVFTA vào thực thi, đầu năm 2018, Việt Nam và EU đã thống nhất sẽ tách EVFTA thành hai hiệp định riêng biệt, gồm Hiệp định thương mại tự do và Hiệp định bảo hộ đầu tư.

2.2.2. Thuế quan và các điều kiện kèm theo

Theo EVFTA, hầu hết hàng hóa Việt Nam vào thị trường EU sẽ được miễn thuế nhập khẩu, cụ thể:

- 85,6% số dòng thuế nhập khẩu sẽ được loại bỏ ngay lập tức;
- 99,2% số dòng thuế sẽ được bỏ sau 7 năm;
- Đối với 0.8% số dòng thuế còn lại, khối EU sẽ dành cho Việt Nam hạn ngạch thuế quan với thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0%;

Ngược lại, Việt Nam cam kết cơ bản xóa bỏ thuế nhập khẩu với hàng hóa từ EU theo lộ trình 10 năm.

a) Hàng hóa được miễn thuế theo hạn ngạch

Các quốc gia thuộc EU áp dụng hạn ngạch (tổng khối lượng đối với từng loại hàng hóa được hưởng thuế suất 0%) với Việt Nam các mặt hàng sau: trứng gia cầm đã qua chế biến (500 tấn), tỏi (400 tấn), bắp ngọt (5000 tấn), gạo (xay xát, chưa xay xát, thơm) (80.000 tấn), tinh bột sắn (30.000), cá ngừ đóng hộp (11.500 tấn), cá viên (500 tấn), đường và các sản phẩm khác có chứa hàm lượng đường cao (20.400 tấn), nấm (350 tấn), Cồn etylic (1000 tấn), một số sản phẩm hóa chất (manitol, sorbitol, dextrin: 2000 tấn).

b) Lộ trình giảm thuế các nhóm hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam

Nhóm hàng thủy sản

- Khoảng 50% số dòng thuế sẽ được xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực;

- Khoảng 50% số dòng thuế còn lại sẽ được xóa bỏ sau từ 3 năm đến 7 năm tùy mặt hàng. Trong đó, 86.5% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu trong vòng 3 năm, 90.3% trong vòng 5 năm và 100% trong vòng 7 năm.

Nhóm hàng nông sản

- Gạo: EU sẽ xóa bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu đối với gạo tám sau 5 năm và đối với các sản phẩm từ gạo sau 3-5 năm;

- Cà phê, tiêu, điều, mật ong tự nhiên, rau củ quả tươi và chế biến, nước hoa quả, hoa tươi: EU sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu cho Việt Nam ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực.

Nhóm hàng công nghiệp

- Dệt may: 42.5% số dòng thuế đang có thuế suất cơ sở từ 8-12% sẽ được xóa bỏ ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Các sản phẩm dệt may còn lại sẽ được xóa bỏ toàn bộ thuế nhập khẩu theo lộ trình từ 3 năm (73,2% kim ngạch xuất khẩu) đến 7 năm (100% kim ngạch);

- Giày dép: Khoảng 37% số dòng thuế đang có có thuế suất cơ sở từ 3.5%-17% sẽ được xóa bỏ ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Các sản phẩm còn lại sẽ được đưa về 0% sau từ 3 đến 7 năm;

- Gỗ và sản phẩm gỗ: 83% số dòng thuế trong nhóm này sẽ được miễn sau khi có hiệu lực; 17% còn lại, gồm ván dăm, ván sợi, và gỗ dán sẽ được tự do hoàn toàn sau tối đa 5 năm;

- Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: 74% sản phẩm của nhóm này, trong đó có máy vi tính sẽ được xóa bỏ thuế quan sau khi Hiệp định có hiệu lực. Các sản phẩm điện tử và linh kiện còn lại sẽ được xóa bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu sau từ 3-5 năm.

2.2.3. Quy tắc xuất xứ hàng hóa

a) Quy tắc chung

Theo EVFTA, hàng hóa được coi là có xuất xứ từ EU hoặc từ Việt Nam khi thuộc một trong ba trường hợp sau:

- Trường hợp 1: Hàng hóa có xuất xứ thuần túy

Trường hợp này bao gồm các hàng hóa được hình thành một cách tự nhiên trong lãnh thổ Việt Nam hoặc EU. Ví dụ như: khoáng sản, động vật thực vật được hình thành tự nhiên và sản phẩm của các loại động thực vật này... Các trường hợp được coi là hàng hóa có xuất xứ thuần túy được quy định cụ thể tại Điều 4 trong chương IV của EVFTA.

- Trường hợp 2: Hàng hóa có xuất xứ cộng gộp

Trường hợp này bao gồm các hàng hóa được hình thành từ nguyên liệu có xuất xứ một phần hoặc toàn bộ từ EU/Việt Nam và được chế biến hoặc sản xuất tại Việt Nam/EU thỏa mãn các yêu cầu về quy trình sản xuất theo quy định tại Điều 6 trong chương IV của EVFTA. Ngoài các trường hợp cộng gộp xuất xứ của hai Bên như nói trên, đối với hàng hóa xuất xứ cộng gộp Việt Nam, EVFTA còn cho phép cộng gộp xuất xứ mở rộng trong 2 trường hợp, gồm:

- Cộng gộp xuất xứ với Hàn Quốc đối với hàng dệt may: Trong quá trình sản xuất các sản phẩm dệt may được liệt kê tại Phụ lục V Nghị định thư, các nguyên liệu có xuất xứ Hàn Quốc sẽ được coi là có xuất xứ Việt Nam, miễn là thỏa mãn các yêu cầu về quy trình sản xuất theo quy định tại Điều 6 tại Chương IV EVFTA

- Cộng gộp xuất xứ với ASEAN đối với mực và bạch tuộc: Các nguyên liệu có xuất xứ từ một nước ASEAN sẽ được coi là nguyên liệu có xuất xứ Việt Nam, nếu thỏa mãn các điều kiện sau:

+ Nguyên liệu này thuộc danh sách được liệt kê tại Phụ lục III, Chương IV EVFTA;

+ Nguyên liệu được sử dụng để sản xuất các sản phẩm được liệt kê tại Phụ lục IV, chương IV EVFTA;

+ Nguyên liệu có xuất xứ từ các nước ASEAN có cam kết tuân thủ các quy định tại chương IV EVFTA và có hợp tác hành chính cần thiết với EU để bảo đảm việc thực thi đầy đủ chương này với EU và giữa họ với nhau.

- Trường hợp 3: Hàng hóa được sản xuất hoàn toàn tại Việt Nam/EU, sử dụng một phần nguyên liệu không có xuất xứ Hàng hóa được sản xuất tại Việt Nam hoặc EU, sử dụng nguyên liệu không hoàn toàn từ Việt Nam hoặc EU nhưng các nguyên liệu này thỏa mãn các yêu cầu cụ thể về quy trình sản xuất được quy định tại Điều 5 chương IV EVFTA và Phụ lục II về quy tắc xuất xứ cụ thể mặt hàng.

b) Quy tắc cụ thể mặt hàng (PSR)

Quy tắc cụ thể mặt hàng là quy tắc xác định xuất xứ đối với từng mặt hàng (ở cấp độ mã HS 8 số). Danh mục PSR được Việt Nam và EU xây dựng dựa trên các tiêu chí chủ yếu là:

- Giới hạn tỷ lệ nguyên vật liệu không có xuất xứ trong quá trình sản xuất, gia công;
- Tiêu chí chuyển đổi nhóm (cấp độ 4 số) và phân nhóm (cấp độ 6 số); mã số HS của sản phẩm cuối cùng so với mã số HS của nguyên vật liệu tham gia vào quá trình sản xuất;
- Công đoạn gia công cụ thể;
- Công đoạn gia công, chế biến thực hiện trên nguyên liệu có xuất xứ thuần túy.

Quy tắc cụ thể mặt hàng đối với những sản phẩm xuất khẩu chủ lực từ Việt Nam vào thị trường Ý như sau:

Sản phẩm	Quy tắc
Phi lê cá đông lạnh (HS 0304)	Áp dụng quy tắc xuất xứ thuần túy, nghĩa là loại cá dùng làm nguyên liệu chế biến phải được sinh ra hoặc lớn lên tại Việt Nam
Cà phê và hồ tiêu (HS 09)	Áp dụng quy tắc xuất xứ thuần túy, nghĩa là cà phê và hồ tiêu phải được trồng và thu hoạch tại Việt Nam
Hàng dệt may (HS 50 đến 63)	Áp dụng tiêu chí hai công đoạn “từ vải trở đi”, nghĩa là vải sử dụng để cắt may phải có xuất xứ từ Việt Nam hoặc EU và việc cắt may phải được thực hiện tại Việt Nam/EU. Tuy nhiên, nhà sản xuất Việt Nam có thể nhập khẩu nguyên liệu từ các nước đã cùng ký kết hiệp định thương mại với Việt Nam và EU (ví dụ: hiện nay là Hàn Quốc, trong tương lai sẽ có thêm Nhật Bản và các nước ASEAN).
Giày dép (HS 64)	Giày dép phải sản xuất từ bộ phận có xuất xứ. Đối với các bộ phận giày dép thì áp dụng tiêu chí chuyển đổi nhóm hàng hóa (CTH)

2.2.4. Hàng rào phi thuế quan

a) Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật

Với mục tiêu tạo thuận lợi thương mại đi đôi với bảo vệ người tiêu dùng và thúc đẩy phát triển bền vững, EU có yêu cầu rất cao về quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật đối với hàng hóa nhập khẩu. Theo đó, EVFTA yêu cầu quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam phải phù hợp với quy định của quốc tế

(ISO, IEC, ITU). Tuy nhiên, hiệp định cũng trao quyền cho các doanh nghiệp trong việc tự do lựa chọn cơ sở đánh giá phục vụ cho việc công bố, xin cấp xác nhận tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền với điều kiện các cơ sở này đáp ứng các tiêu chí do mỗi bên tham gia EVFTA đưa ra.

Những quy định đã nêu sẽ đặt ra không ít thách thức đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Để đảm bảo tận dụng được tối đa lợi ích ngay khi Hiệp định có hiệu lực, các doanh nghiệp trong nước cần nắm vững quy định hiện hành của Liên minh châu Âu về quy chuẩn, tiêu chuẩn đối với hàng hóa nhập khẩu. Một số vấn đề chính liên quan đến nội dung này gồm:

Quy định về hóa chất sử dụng trong hàng hóa nhập khẩu

Những loại chất hoặc sản phẩm chứa hóa chất nằm trong danh mục hơn 10.000 loại hóa chất bị cấm hoặc hạn chế sử dụng trong thị trường EU sẽ phải trải qua quy trình đăng ký hết sức nghiêm ngặt về đăng ký, kiểm thử và báo cáo số liệu. Bên cạnh đó các sản phẩm có chứa các hạt nano hóa chất cũng phải đáp ứng quy định về đăng ký và thông báo khi nhập khẩu và phân phối tại thị trường châu Âu.

Ngoài ra, EU còn yêu cầu các thiết bị tủ lạnh và giữ đông không được chứa khí HFC (hydro-fluoro-carbon - là một loại khí gây hiệu ứng nhà kính).

Quy định về thông tin ghi trên bao bì hàng hóa nhập khẩu

Hàng hóa nhập trực tiếp vào thị trường từng nước trong EU phải có nhãn mác bằng ngôn ngữ của quốc gia nhập khẩu, không được có hại cho sức khỏe của người tiêu dùng cũng như gia súc, cây trồng. Sản phẩm phải thể hiện những nội dung cơ bản gồm: Tên sản phẩm, Tên địa chỉ của nơi sản xuất, đóng bao nơi xuất khẩu hoặc nhập khẩu.

- Đối với hàng nông nghiệp: Hàng nông nghiệp nhập khẩu vào thị trường phải đáp ứng theo yêu cầu nhãn hàng hóa bổ sung về chỉ dẫn địa lý để xác định chất lượng sản phẩm (2 dạng thức gồm: chỉ dẫn địa lý đối với các sản phẩm được bảo hộ; chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm truyền thống) và yêu cầu tùy nghi về điều khoản chất lượng đối với từng loại sản phẩm.

- Đối với thực phẩm, ngoài nhãn thực phẩm, các loại hàng hóa sau cần có nhãn riêng khác gồm: Thịt bò, thực phẩm mới, thực phẩm hữu cơ, thực phẩm hỗ trợ sức khỏe, sữa bảo quản, nước quả ép và các sản phẩm tương tự, rượu và các sản phẩm từ rượu, đồ uống có mùi thơm, đồ uống lên men, cao cao và sô-cô-la, mật ong, chất bảo quản thực phẩm, phụ gia thực phẩm, men sống thực phẩm, nước khoáng, thực phẩm chức năng, thực phẩm không chứa gluten, vitamin và khoáng chất, thực phẩm ăn kiêng, thực phẩm dành cho trẻ sơ sinh và trẻ em, thực phẩm hỗ trợ giảm cân, thực phẩm có mục đích y tế đặc biệt, thực phẩm dành cho người chơi thể thao, thực phẩm cho người tiểu đường, thực phẩm đông lạnh nhanh.

- Đối với mặt hàng rượu vang và các loại rượu khác còn có thêm yêu cầu khác, cụ thể:

+ Về mặt hàng rượu vang: EU yêu cầu trên nhãn của các mặt hàng rượu vang phải nêu rõ định dạng màu sắc của rượu như đỏ đậm (ruby), cam hồng (tawny) hay màu truyền thống (chateau);

+ Về các rượu khác: EU yêu cầu mỗi loại rượu khác nhau phải đáp ứng số năm chung cất tối thiểu để được cấp nhãn hàng hóa phù hợp với loại rượu đó (Ví dụ: rượu whiskey phải có số năm chung cất tối thiểu là 3 năm).

- Đối với hàng công nghiệp: EU điều hành và kiểm soát sự tôn trọng tiêu chuẩn an toàn theo các văn bản luật riêng và cụ thể của Liên minh (ví dụ tiêu chuẩn an toàn đối với đồ chơi hoặc các sản phẩm kỹ thuật cao). Mác CE biểu thị sản phẩm đó được xác định là phù hợp với các yêu cầu của hơn 20 chỉ dẫn về Mác CE (CE Marking Directives) và các tiêu chuẩn kỹ thuật của EU. Do đó, Mác CE là một yêu cầu cần thiết và quan trọng đối với các nhà sản xuất khi đưa sản phẩm ra tiêu thụ trên thị trường EU. Mác CE có thể được gắn vào bao bì nếu đặc tính của sản phẩm không cho phép gắn trực tiếp lên sản phẩm đó. Mác CE không áp dụng cho đồ gỗ, hàng dệt may và đồ da.

b) Kiểm dịch động, thực vật và an toàn vệ sinh thực phẩm

EVFTA đòi hỏi các doanh nghiệp của Việt Nam và EU phải nỗ lực để đáp ứng các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch được nêu tại Hiệp định các biện pháp kiểm dịch động thực vật của WTO (SPS), cũng như của các tổ chức quốc tế khác như: Codex (về an toàn thực phẩm), OIE (về sức khỏe, quyền lợi động vật) và IPPC (về bảo vệ các giống loài thực vật). Bên cạnh đó, theo EVFTA, chỉ những doanh nghiệp có tên trong danh sách xác nhận của Việt Nam hoặc EU gửi trước cho bên còn lại về việc các doanh nghiệp này đã đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật thì mới được miễn khâu kiểm tra, thanh tra đối với hàng hóa tại cảng đến của nước nhập khẩu.

Trên cơ sở những vấn đề mới nêu trên, các thông tin cơ bản về quy định an toàn, vệ sinh thực phẩm, kiểm dịch động thực vật của EU cần được doanh nghiệp Việt Nam tìm hiểu và kịp thời lên kế hoạch áp dụng trong hoạt động sản xuất của mình nhằm nhanh chóng tận dụng các lợi ích do EVFTA mang lại khi Hiệp định này có hiệu lực thực thi. Một số quy định liên quan đến vấn đề an toàn thực phẩm, kiểm dịch động thực vật có thể kể ra gồm:

- Sữa và các chế phẩm từ sữa: Ngoài giấy chứng nhận kiểm dịch, EU yêu cầu sữa và các chế phẩm sữa phải có giấy chứng nhận y tế xác nhận rằng những sản phẩm này phải đảm bảo không vượt quá định mức tế bào không biệt hóa theo quy định của EU (không quá 400.000 tế bào/ml), cũng như đáp ứng quy định của EU về tiêu chuẩn trang trại sản xuất ra sản phẩm;

- Động vật nhập từ các nước cho phép sử dụng estrogen: Phải được cấp giấy chứng nhận y tế là vật nuôi không có hàm lượng estrogen tự nhiên hoặc dưới dạng hợp chất;

- Các sản phẩm động vật (dành cho người sử dụng): Các sản phẩm gia cầm có sử dụng phương pháp chiếu tia UV để hạn chế mầm bệnh bị cấm nhập khẩu vào thị trường EU;

- Trái cây: Táo và lê nhập khẩu vào EU không được chứa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật vượt quá mức cho phép (0.1 phần triệu);

- Thức ăn động vật, bao gồm cả cá hộp và thịt hộp: Có những quy định cụ thể chi tiết từng loại;

- Nhựa thông và các chất phụ gia dành cho chế biến thực phẩm hoặc các chất mà con người sử dụng: Phải được cấp phép nhập khẩu;

- Thực vật, động vật và các sản phẩm từ động vật: Phải có giấy chứng nhận kiểm dịch từ nước xuất khẩu. Bên cạnh đó, EU cấm nhập khẩu các loại thịt sử dụng hóa môn và các chất thuộc nhóm beta agonist; các phụ phẩm của động vật nếu không không được lấy từ các nguồn cung cấp hợp pháp và được chế biến theo các phương pháp tương tự như EU đang áp dụng sẽ bị coi là sản phẩm độc hại;

- Bia, rượu: Phải có giấy chứng nhận phân tích thành phần được xác nhận bởi các phòng thí nghiệm của nhà nước tại nước nhập khẩu;

- Dược phẩm: Phải đăng ký trước với Bộ Y tế trước khi nhập.

c) Tiêu chuẩn đặc thù

EU áp dụng 5 loại tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng cho từng loại sản phẩm, cụ thể:

- Tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm: Tất cả doanh nghiệp sản xuất/xuất khẩu sang EU phải đạt Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000;

- Tiêu chuẩn về vệ sinh thực phẩm: Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm HACCP áp dụng đối với tất cả doanh nghiệp chế biến thủy sản;

- Tiêu chuẩn về an toàn cho người sử dụng: Các loại sản phẩm có khả năng ảnh hưởng đến sức khỏe của người tiêu dùng (đồ chơi, thiết bị y tế, vật liệu xây dựng...) phải có nhãn CE;

- Tiêu chuẩn môi trường: Các tiêu chuẩn phổ biến bao gồm Nhãn sinh thái EU-Ecolabel, Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001;

- Tiêu chuẩn lao động: Tiêu chuẩn SA8000 được các nước EU chấp nhận rộng rãi. SA8000 (Social Accountability) được là một hệ thống các tiêu chuẩn dùng để đánh giá mức độ quan tâm của doanh nghiệp đối với quyền lợi của người lao động.

2.2.5. Phát triển bền vững

EVFTA và CPTPP là hai Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới có yêu cầu phía Việt Nam phải nỗ lực tuân thủ các quy định của quốc tế về môi trường và phát triển bền vững. Cụ thể, phía EU yêu cầu chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam tập trung triển khai các hoạt động:

- Thực thi hiệu quả các cam kết đa phương về thương mại có lợi cho đa dạng, bền vững sinh học (Công ước CBD), nghiêm túc thực hiện việc hạn chế, cấm mua bán các động, thực vật trong danh mục của Công ước CITES;

- Các sản phẩm gỗ phải có nguồn gốc rõ ràng, được khai thác và chế biến hợp pháp (nhấn mạnh việc ký kết và tuân thủ Hiệp định Hiệp định Đối tác Tự nguyện về Thực thi Lâm luật, Quản trị rừng và Thương mại Lâm sản - *Hiệp định VPA/FLEGT*). Theo cam kết của phía Việt Nam thì sau khi VPA/FLEGT có hiệu lực đầy đủ thì các lô gỗ và sản phẩm gỗ do các doanh nghiệp nội địa sản xuất khi xuất khẩu sang EU sẽ phải có giấy phép FLEGT để chứng minh tính hợp pháp.

- Các sản phẩm thủy sản khai thác từ tự nhiên phải được có nguồn gốc hợp pháp, được khai thác trên nguyên tắc bảo tồn nguồn lợi hải sản (Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển 1982 (UNCLOS)), quy tắc ứng xử của tàu cá trên vùng biển xa của FAO, và đặc biệt là quy định về kiểm soát đánh bắt hợp pháp, không khai báo và không được quản lý (IUU). Theo quy định của IUU đối với hải sản được đánh bắt, Việt Nam phải quản lý đội tàu khai thác phù hợp với nguồn lợi, đảm bảo hoạt động đánh bắt được tiến hành hợp pháp cũng như nguồn hải sản thu được có nguồn gốc rõ ràng. Do việc không thực hiện đầy đủ những yêu cầu này, ngày 23/10, EU chính thức tuyên bố rút thẻ vàng đối với hoạt động khai thác thủy sản của Việt Nam. Trong thời gian bị EU rút thẻ vàng, hoạt động xuất khẩu hải sản vẫn được diễn ra bình thường. Tuy nhiên, sẽ có những tác động nhất định, như: Các lô hàng bị tăng tuần suất kiểm tra hồ sơ nguồn gốc sản phẩm khai thác nhập khẩu từ Việt Nam (có thể lên đến 100%), dẫn đến thời gian lưu kho tăng, phát sinh chi phí kiểm tra, chi phí lưu kho đối với doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu vào thị trường EU.

2.2.6. Yêu cầu lao động

Với tiêu chí thúc đẩy phát triển bền vững, tăng trưởng thương mại đầu tư gắn liền với nâng cao lợi ích của người lao động, các Hiệp định thế hệ mới như EVFTA đã bổ sung các quy định về trách nhiệm của các bên tham gia trong việc đảm bảo quyền, lợi ích của người lao động. Cụ thể, EVFTA yêu cầu các Việt Nam và EU phải tuân thủ các cam kết với tư cách là Thành viên của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và các tiêu chuẩn lao động trong Tuyên bố 1998 của ILO về Các nguyên tắc và các quyền cơ bản tại nơi làm việc (4 nguyên tắc chính) gồm:

- Quyền tự do liên kết và thương lượng tập thể của người lao động và người sử dụng lao động;

- Xóa bỏ lao động cưỡng bức và lao động bắt buộc;
- Cấm sử dụng lao động trẻ em;
- Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp

Các nội dung đã nêu ở trên chỉ mang tính nền tảng, và chủ yếu đặt ra nghĩa vụ thực thi cho cơ quan nhà nước ở cấp trung ương và địa phương. Tuy nhiên, do các nước EU có truyền thống coi trọng việc bảo vệ quyền lợi người lao động, định hướng chung của họ là phát triển kinh tế, tăng cường thương mại phải đi đôi với lợi ích của người lao động được nâng cao, vì vậy, nếu các doanh nghiệp Việt Nam không tuân thủ đầy đủ pháp luật về lao động trong nước thì có khả năng việc xuất khẩu hàng hóa sang EU sẽ bị đình trệ do không đáp ứng được yêu cầu về tiêu chuẩn môi trường làm việc, đảm bảo quyền lợi cho người lao động như khối này đưa ra.

2.2.7. Sở hữu trí tuệ

EVFTA buộc Việt Nam và EU phải triển khai nhiều hoạt động nhằm thực thi hiệu quả quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu đến lãnh thổ của nhau. Các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ của Việt Nam tập trung vào 5 nội dung chính: chỉ dẫn địa lý, quyền tác giả và các quyền liên quan, sáng chế, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp. Liên quan đến chỉ dẫn địa lý: phía EU đồng ý công nhận đương nhiên 39 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam (Việt Nam công nhận 169 chỉ dẫn địa lý của EU) không cần qua các thủ tục thẩm định, thông báo, khiếu nại đối với một quy trình công nhận chỉ dẫn địa lý thông thường. Trên cơ sở này, các sản phẩm nông sản thực phẩm đặc trưng riêng của Việt Nam như nước mắm Phú Quốc, chè Mộc Châu và cà phê Buôn Ma thuật sẽ có cơ hội xuất hiện tại thị trường châu Âu với nhãn hiệu riêng, qua đó giúp hàng hóa Việt Nam tiếp cận gần hơn với thị trường này.

Bên cạnh đó, Việt Nam còn phải thực hiện các công việc sau: (i) Làm rõ hơn và sửa đổi các quy định pháp luật về nhãn hiệu, quyền tác giả và các quyền liên quan, kiểu dáng công nghiệp; (ii) Tham gia các Công ước, Hiệp định mới về quyền tác giả và các quyền liên quan, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp

Tuy các quy định về sở hữu trí tuệ trong EVFTA nhấn mạnh đến vai trò của chính quyền các cấp của Việt Nam nhưng các doanh nghiệp cũng cần quan tâm hơn đến chủ đề này nhất là khi thực hiện việc nhập khẩu nguyên liệu từ EU phục vụ sản xuất hàng hóa xuất khẩu và kinh doanh tại thị trường Việt Nam. Doanh nghiệp không tuân thủ nghiêm túc các quy định về sở hữu trí tuệ có thể bị phạt, phải bồi thường hoặc bị phía EU thu hồi hàng hóa đang bán trên thị trường của khối, ngừng việc nhập khẩu.

III. Một số đặc trưng riêng của thị trường Ý

3.1. Quy định về thuế và tiêu chuẩn áp dụng đối với hàng nhập khẩu

a) Quy định về thuế

- Thuế xuất nhập khẩu: Ý áp dụng thuế xuất nhập khẩu theo quy định chung của EU;

- Thuế giá trị gia tăng (VAT): Ý áp dụng hệ thống thuế suất riêng với từng loại mặt hàng, cụ thể:

+ 0%: được áp dụng cho xuất khẩu bên ngoài EU và cung cấp hàng hóa cho thương nhân trong khối các quốc gia EU, buôn bán tàu biển, máy bay và các linh kiện liên quan, các dịch vụ cung cấp liên quan tới giao dịch tài chính quốc tế;

+ 4% được áp dụng cho những sản phẩm nông nghiệp chính, thực phẩm thiết yếu (bánh mì, sữa và hoa quả), thiết bị y tế, sách báo;

+ 5% được áp dụng cho các dịch vụ y tế và công tác xã hội;

+ 10% được áp dụng cho một số sản phẩm nông nghiệp nhất định, các dịch vụ vận chuyển cá nhân, hầu hết các loại thực phẩm, vật nuôi và thịt, hầu hết các sản phẩm được, dịch vụ viễn thông công cộng (20% VAT được đánh nếu là dịch vụ tư nhân), các dịch vụ liên quan đến khách sạn, nhà hàng, và vé máy bay nội địa;

+ 22% là mức thuế tiêu chuẩn, áp dụng cho tất cả các hàng hóa và dịch vụ (Ý đứng thứ 3 trong số các nước thuộc EU có mức thuế VAT cao nhất).

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Tại Ý, rượu, thuốc lá và năng lượng là những mặt hàng phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (mức thuế suất dao động từ 10%-40%).

Lưu ý: Livigno, Campione d'Italia và vùng lãnh thổ Lake Lugano là những địa phương thuộc Ý được miễn thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt;

b) Quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm dịch động thực vật

Ý không áp dụng riêng các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn vệ sinh thực phẩm và kiểm dịch động thực vật mà sử dụng các quy định chung của EU làm căn cứ để xác định chất lượng, tính hợp pháp của những sản phẩm nhập khẩu.

3.2. Tập quán kinh doanh

- Hầu hết người Ý không nói giỏi tiếng Anh, do vậy khi đến gặp đối tác, bạn nên có phiên dịch đi cùng. Nếu đối tác của bạn biết tiếng Anh, bạn nên mang theo các tài liệu liên quan bằng tiếng Anh để giúp bạn trình bày vấn đề một cách rõ ràng, mạch lạc.

- Khi chọn thành phần tham gia đàm phán, bạn cần biết rằng người Ý thích làm việc với người có vị trí quan trọng nhất trong công ty bạn;

- Việc sử dụng danh thiếp là phổ biến ở Ý. Bạn nên có danh thiếp bằng tiếng Ý ở mặt sau. Ngoài ra, học hàm, học vị (nếu có) cùng chức danh đầy đủ của bạn nên được thể hiện ở cả hai mặt của danh thiếp do người Ý muốn biết họ có đang giao dịch với một người ở vị trí quan trọng hay không;

- Người Ý luôn mặc các trang phục lịch sự trang nhã, nhưng các bộ trang phục trang trọng được khuyến khích mặc trong các cuộc họp kinh doanh;

- Kinh doanh trong tháng bảy và tháng tám là hoàn toàn không nên vì thời điểm đó, nước Ý là mùa hè và hầu hết người dân và các công ty đều nghỉ vào thời điểm này;

- Giá cả ở Ý rất cạnh tranh do đó khi giới thiệu các mặt hàng xuất khẩu sang nước này cần cân nhắc giới thiệu các sản phẩm có giá thành không quá cao.

- Các nhà nhập khẩu Ý thường yêu cầu một số lượng lớn nguyên vật liệu và các hàng hóa mẫu;

- Nên nhìn đối tác trong khi nói chuyện; đây là một dấu hiệu thiện cảm, trung thực và chân thành trong kinh doanh đối với người Ý;

- Nên bắt tay với tất cả mọi người khi được giới thiệu trong buổi gặp gỡ với đối tác kinh doanh hay trong các buổi gặp xã hội. Tuy nhiên, người ta nên chờ cho phụ nữ đưa tay của họ ra trước;

- Không nên xuất hiện trước đối tác người Ý trong tình trạng vội vã và nóng vội trong cuộc đàm phán kinh doanh.

3.3. Nhu cầu thị trường Ý

Qua số liệu cập nhật của website Trung tâm Thương mại quốc tế cho thấy trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016, Ý có nhu cầu ổn định và theo chiều hướng tăng về các mặt hàng: (i) Giày, dép; (ii) Máy móc, phương tiện vận tải và các linh kiện đi kèm; (iii) Các sản phẩm thủy sản (cá, giáp xác, động vật thân mềm); (iv) Hàng may mặc và phụ kiện đi kèm (đan, móc, dệt); (v) Sản phẩm từ da, túi xách và các sản phẩm tương tự; đồ nội thất, nệm, gối và các sản phẩm nhồi bông,...; (vi) Đồ chơi, dụng cụ thể thao và các phụ kiện đi kèm; (vii) Các sản phẩm có chứa thịt và thủy sản (giáp xác, thân mềm và không xương sống); (viii) Sản phẩm y tế, quang học, phim ảnh,...; (ix) Dược phẩm; hóa chất hữu cơ; (x) Đường và bánh kẹo; (xi) sản phẩm dệt, thêu, thảm,...; (xii) Các sản phẩm liên quan đến lĩnh vực âm nhạc; (xiii) Sợi mềm, dây chần, dây thừng,...; (xiv) Xà phòng, chất tẩy rửa.

Người tiêu dùng Ý mua hàng dựa chủ yếu vào chất lượng sản phẩm và dịch vụ hậu mãi của nhà cung cấp. Yếu tố thân thiện với môi trường, thời gian giao hàng, chương trình khuyến mãi, giảm giá, khách hàng thân thiết không ảnh hưởng nhiều đến tiêu chí lựa chọn hàng hóa của người Ý. Người mua hàng Ý cũng khá cởi mở đối với các sản phẩm mới đặc biệt là về thời trang.

3.4. Kênh phân phối

Kênh phân phối tại thị trường Ý chủ yếu tập trung các cửa hàng quy mô hộ gia đình nhỏ. Do vậy các nhà xuất khẩu Việt Nam nên cân nhắc khi sử dụng các đại lý và

nhà phân phối tại thị trường Ý, đồng thời có đánh giá về khả năng phân phối hàng hóa của các thương nhân nước này trước khi thiết lập các mối quan hệ phân phối tại Ý.

Ngoài kênh phân phối nhỏ lẻ, Ý cũng có những tập đoàn phân phối lớn như Coop Italia với quy mô hơn 1000 cửa hàng trên khắp cả nước. Lĩnh vực phân phối thực phẩm tại Ý nằm trong tay các đại gia về bán lẻ gồm: Coop Italia, Selex, Conand, Esselunga, Gruppo Auchan, Carrefour, Eurospin, Despar, Sigma và Gruppo Farm.

3.5. Một số địa chỉ hữu ích

Đại sứ quán Việt Nam tại Ý

Ambasciata della Repubblica Socialista del Viet Nam

Địa chỉ: Via di Bravetta, 156 - 00164 Roma - Ý

ĐT: +39 06 661 60726; Fax: +39 06 661 57520

E-mail: vnemb.it@mofa.gov.vn

Website: www.vnembassv.it

Thương vụ Việt Nam tại Ý

Đ/c: 00198 Roma – Ý Via, Po.22

Tel: 39068413913 Fax: 39068414072

E-mail: thuongvuY@virgilio.it

Đại sứ quán Ý tại Việt Nam

Địa chỉ: Số 9 Lê Phụng Hiểu - Hà Nội

Tel: 04. 8256256 Fax: 84-4-8267602

E-mail: ebY@embY.org.vn

Thương vụ Ý tại Việt Nam

Địa chỉ: 17 Lê Duẩn, Tầng 9, Tòa nhà Central Plaza, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 08 8298721 Fax: 08 8298723

Email: hochiminh.hochiminh@ice.it

Website: www.italtrade.com/countries/asia/vietnam/index.htm

Liên hiệp Phòng Thương mại, Công nghiệp và Nông nghiệp Ý

Email: segeteria.generale@unioncamere.it

Website: www.unioncamere.it

Hải quan Italia (thuộc Bộ Ngân khố Quốc gia)

Địa chỉ: Via M. Carucci 71 00143 Roma

Tel: +39-06-50241

Hiệp hội Giao nhận Quốc gia Italia

Italian National Federation of International Freight Forwarders

Website: www.fedespedit.it

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công Thương, 2017, *Báo cáo Xuất nhập khẩu Việt Nam 2016*, NXB Công Thương, Hà Nội,
2. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, 2016, *Hồ sơ thị trường Ý*
3. Tổng cục Hải quan, 2017, *Niên giám thống kê Hải quan về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu năm 2016 (bản tóm tắt)*.
4. Website của Liên minh châu Âu về thống kê
<http://trade.ec.europa.eu/tradehelp/statistics>;
5. Website của Trung tâm Thương mại quốc tế <http://www.intracen.org/>;
6. Website của hãng nghiên cứu thị trường Sander
<https://en.portal.santandertrade.com/>;
7. Website của hãng nghiên cứu thị trường OEC <https://atlas.media.mit.edu/en/>;
8. Website của OECD <http://www.oecd.org/>